TOØA AÙN NHAÂN DAÂN NGHÓA VIEÄT NAM
KHU VỰC 14
TP. ĐỒNG NAI

COÄNG HOØA XAÕ HOÄI CHUÛ

Ñoäc laäp – Töï do – Haïnh phuùc

Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày: 23/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoài Nam

Các hội thẩm nhân dân: 1. Phùng Thị Nguyệt Nga

2. Bà Trần Thị My Sa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lương Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Giang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14-Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Duy T - Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1991 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thành phố Đ.

Quốc tịch: Việt Nam – Dân tộc: Kinh – Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Trình độ học vấn: 12/12.

Cha: Nguyễn Duy D, sinh năm 1958

Mẹ: Lê Thị T1, sinh năm:1962.

Bị cáo có 03 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất là bị cáo.

Vợ: Nguyễn Thị Tố U, sinh năm: 1992.

Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2025.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/3/2026 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 Công ty TNHH S

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc M

Địa chỉ: ấp S, xã X, TP . –Vắng mặt

2 Ông Lê Trọng D1, sinh năm 1986 (0968197848)

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường H, thị xã N, Thanh Hóa nay là phường T, Thanh Hóa –Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/01/2022, trên danh nghĩa cá nhân, Nguyễn Duy T đã ký hợp đồng mua bán nông sản là hạt điều thô với Công ty TNHH S, có chi nhánh tại Khu K thuộc xã L, thành phố Đ. Sau khi ký hợp đồng, T đã tiến hành thu mua nông sản {hạt điều thô} từ các hộ dân trên địa bàn huyện L {cũ} và trong thời gian từ ngày 08/3/2022 đến 15/4/2022, T đã nhiều lần bán hạt điều thô cho công ty S nhưng do biết nếu đăng ký và kê khai nộp thuế sẽ không lời được nhiều nên T đã không thực hiện việc đăng ký thuế và không kê khai nộp thuế, cụ thể như sau:

1. Ngày 08/3/2022, T bán số lượng 80.410kg, thanh toán số tiền là 2.154.988.000 đồng;
2. Ngày 15/3/2022, T bán số lượng 60.750kg, thanh toán số tiền là: 1.628.100.000 đồng;
3. Ngày 22/3/2022, T bán số lượng 95.260kg, thanh toán số tiền là: 2.552.968.000 đồng;
4. Ngày 08/4/2022, T bán số lượng 60.740kg, thanh toán số tiền là: 1.585.314.000 đồng;
5. Ngày 15/4/2022, T bán số lượng 70.850kg, thanh toán số tiền là: 1.849.185.000 đồng;

Như vậy, bị cáo có tổng cộng 05 lần bán hạt điều thô cho công ty S với tổng số lượng là 368.010kg, thanh toán số tiền: 9.770.555.000 đồng. Trong tổng số lượng hạt điều đã bán cho Công ty S, ngoài số lượng hạt điều là do T trực tiếp thu mua của người dân, còn có một phần là của ông Lê Trọng D1, là anh rể của T gửi T bán giúp (BL 50, 60-76, 102, 109-113).

Tại Kết luận giám định số 3001/KLGĐ-CCTKVLNBĐ ngày 29/10/2024 của Chi cục thuế khu vực L – Bù Đốp {nay là Thuế khu vực 9, thành phố Đ} kết luận nội dung giám định về lĩnh vực thuế như sau:

Hành vi của ông Nguyễn Duy T có hoạt động, thực hiện mua, bán hàng hóa (hạt điều thô) cho Công ty TNHH S Trong thời gian từ ngày 08/03/2022 đến ngày 15/04/2022 tại huyện L, huyện B nhưng không đăng ký thuế với cơ quan thuế Chi cục Thuế khu vực L - B là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Quản lý thuế.

Xác định số tiền trốn thuế đối với ông Nguyễn Duy T:

Do ông Nguyễn Duy T sử dụng CCCD của cá nhân để thực hiện các giao dịch mua bán hạt điều thô với Công ty TNHH S như ký hợp đồng mua bán nông sản, ký biên bản xác nhận giao nhận hàng hóa, ký phiếu chi mua hạt điều thô của Công ty TNHH S.

Căn cứ Phụ lục 1- Danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ T2, hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Đối với hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa (trừ giá trị hàng hóa đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng) thì tỷ lệ % tính thuế GTGT là 1% và tỷ lệ % tính thuế TNCN là 0,5%; Áp dụng xác định số tiền trốn thuế đối với ông Nguyễn Duy T như sau:

Thuế GTGT: 9.770.555.000 đồng x 01% = 97.705.550 đồng.

Thuế TNCN: 9.770.555.000 đồng x 0,5% = 48.852.775 đồng.

Cộng số thuế GTGT và TNCN: 97.705.550 đồng + 48.852.775 đồng = 146.558.325 đồng.

Lệ phí Môn bài năm 2022: Miễn lệ phí môn bài trong năm đầu ra hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

Tổng cộng số tiền thuế trốn: 146.558.325 đồng (BL 96-99).

Quá trình điều tra, Nguyễn Duy T đã tự nguyện thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế với số tiền là 146.558.325 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 18/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Duy T có lý lịch và hành vi nêu trên về tội "Trốn Thuế" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T có lý lịch và hành vi nêu trên phạm tội "Trốn Thuế" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự;

* Áp dụng , Đ i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Duy T số tiền từ 120.000.000đ(một trăm hai mươi triệu đồng) đến 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu đồng)

Bị cáo không tranh luận và không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp các tài liệu chứng cứ của các cơ quan thẩm quyền cung cấp, có đủ cơ sở khách quan để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/3/2022 đến ngày 15/4/2022, tại khu vực xã L, thành phố Đ, bị cáo T có hoạt động thu mua hạt điều thô từ các hộ dân với tổng số lượng là 368.010kg và sau đó bán lại cho công ty TNHH S dưới danh nghĩa cá nhân với tổng số tiền là 9.770.555.000 đồng đồng nhưng không thực hiện việc đăng ký thuế và không kê khai nộp thuế để qua đó trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân với tổng số tiền trốn thuế được xác định là 146.558.325 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy T bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-Đồng Nai truy tố về tội "Trốn thuế" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý về thuế do Nhà nước thống nhất quản lý, bị cáo là người đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp nên cần có một hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bị cáo đã khắc phục nộp xong số tiền 146.558.325đ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử đã căn nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 200 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Đối với ông Lê Trọng D1, là người đã thu mua nông sản và gửi nhờ bị can Nguyễn Duy T bán nhưng ông D1 không biết T trốn thuế nên Cơ quan điều tra không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với công ty TNHH S khi mua hàng hóa của bị cáo T đã được Công ty kê khai nộp thuế theo quy định tại Cục T3 nay là thuế thành phố Hồ CHí minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T về tội "Trốn thuế"

2.Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T hình phạt tiền là hình phạt chính với số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng)

3. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Duy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy đinh.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Đồng Nai;*
- *VKSND TP.Đồng Nai*
-*VKSND KV 14*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Phòng HSNC CA Tp. Đồng Nai;*
- *Phòng THADS KV 14;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đức Thọ Nguyễn Thành Vui **Trần Hoài Nam**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**